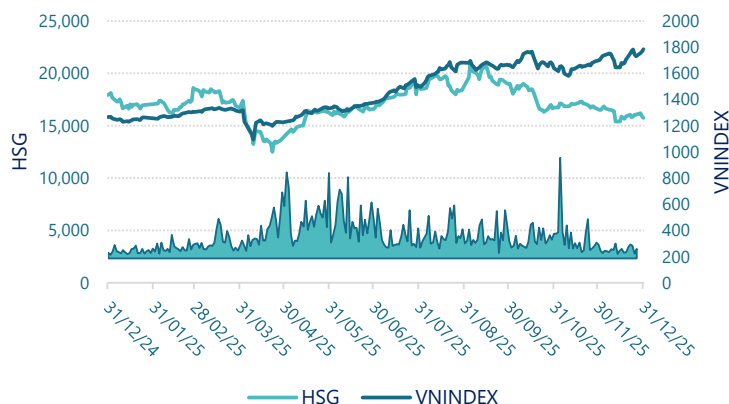


CTCP Tập đoàn Hoa Sen (HSX: HSG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	15,750
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,500
SL cổ phiếu LH	620,982,309
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,422,080
% sở hữu nước ngoài	4.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	9,780
P/E	15.5
EPS	1,018

DT thuần

Q4/25

8,383

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 26.0 | 0.3%

YoY: ▼ 1,839 | -18.0%

LN sau thuế

Q4/25

62.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 25.8 | -29.3%

YoY: ▼ 104 | -62.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

2.7%

+/- YoY: ▲ 0.7%

DT thuần

2025

34,699

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 5,721 | -14.2%

LN sau thuế

2025

632

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 55.0 | 9.5%

ROE

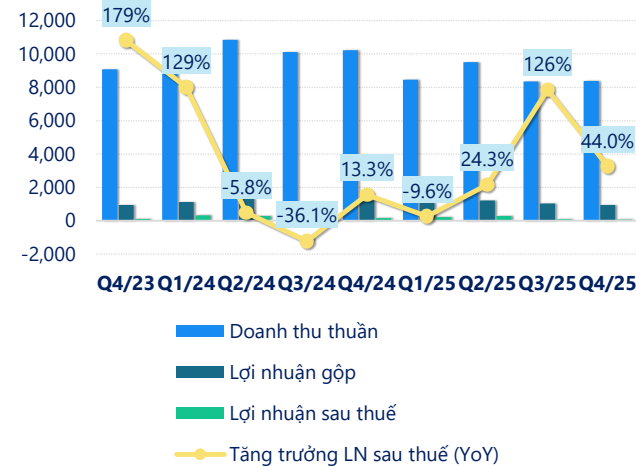
2025

5.6%

+/- YoY: ▲ 0.4%

tỷ VNĐ

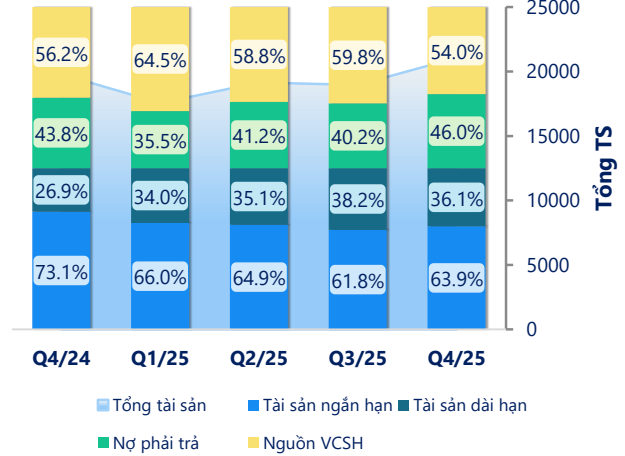
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

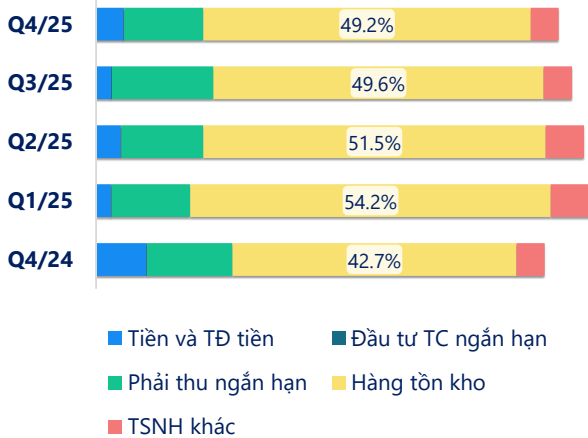
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



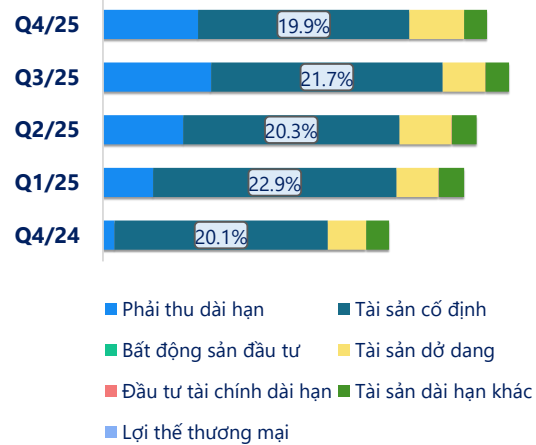
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

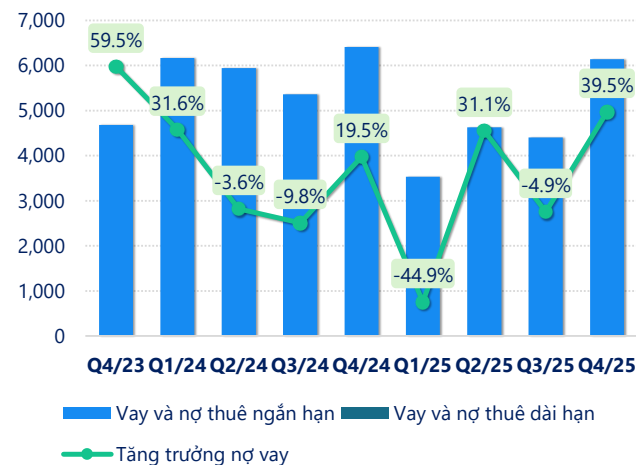
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

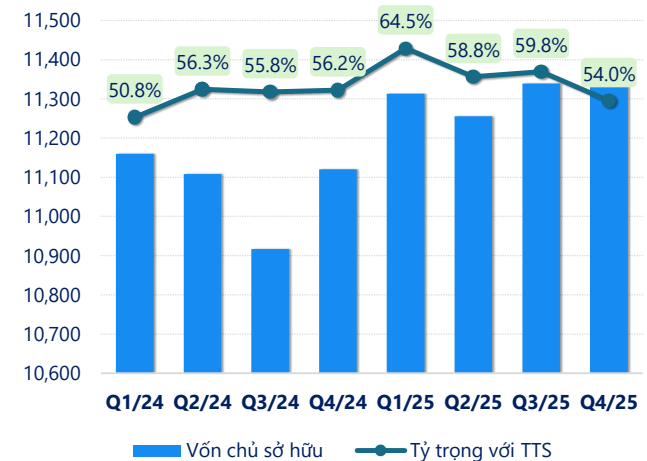
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

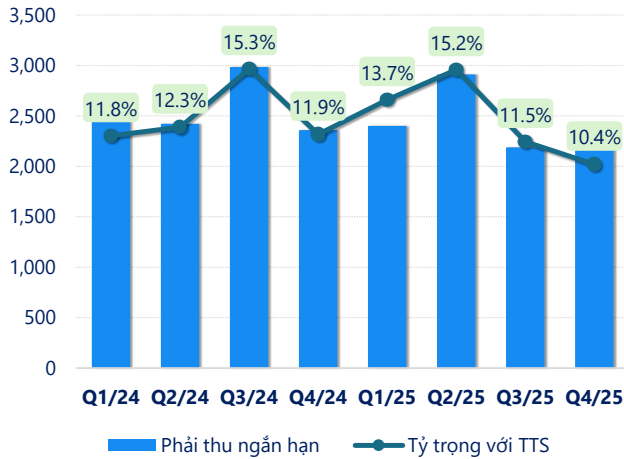
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



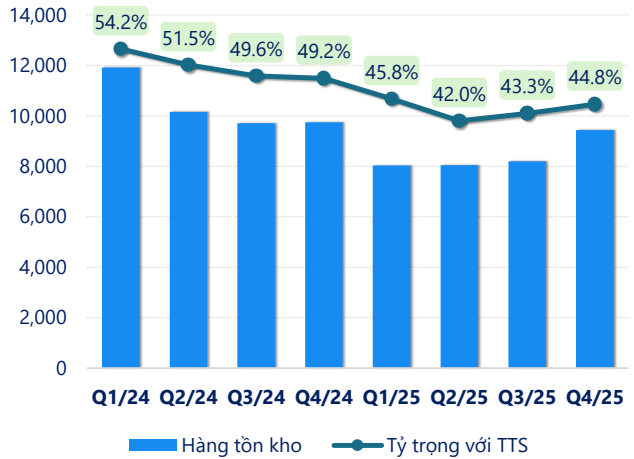
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


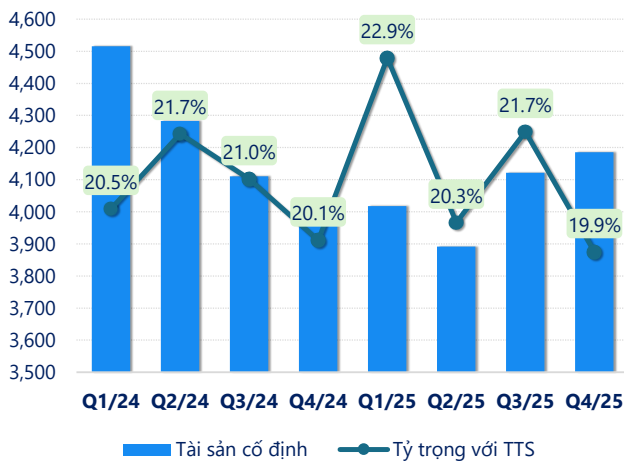
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


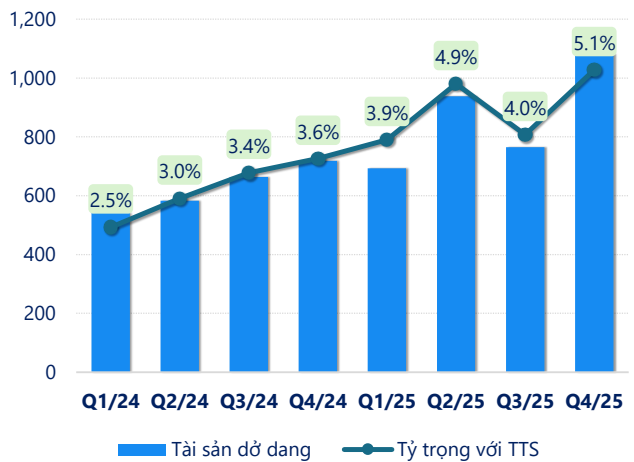
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

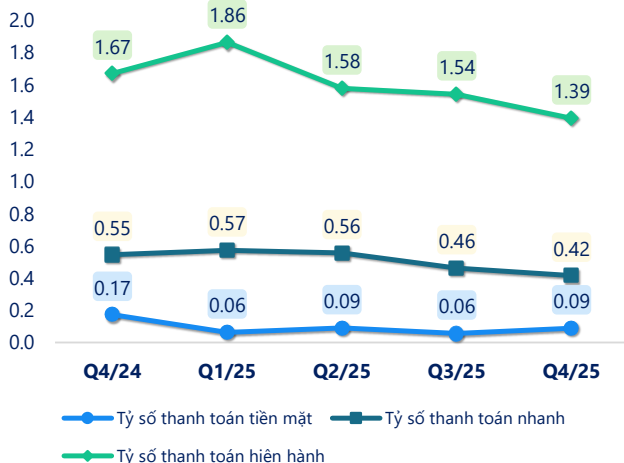
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

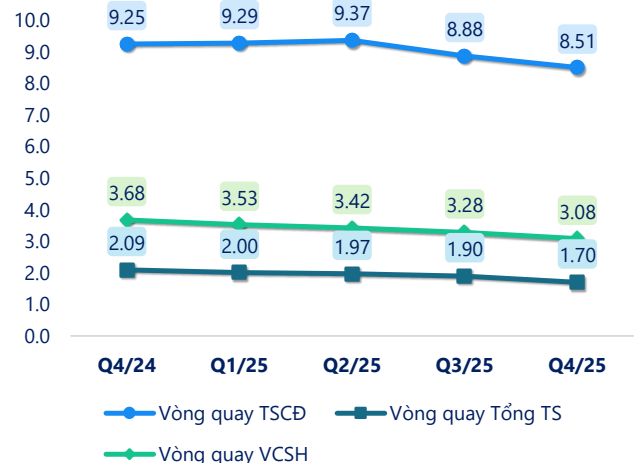
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	19,800	17,548	19,140	18,953	21,058
Tài sản ngắn hạn	14,472	11,589	12,417	11,716	13,456
Tiền và tương đương tiền	1,497	391	706	428	858
Đầu tư tài chính ngắn hạn	31.3	57.0	77.2	88.2	66.8
Phải thu ngắn hạn	2,360	2,401	2,911	2,188	2,187
Hàng tồn kho	9,749	8,029	8,042	8,204	9,440
Tài sản ngắn hạn khác	835	711	680	808	904
Tài sản dài hạn	5,328	5,959	6,723	7,237	7,603
Phải thu dài hạn	213	826	1,444	1,930	1,882
Tài sản cố định	3,971	4,018	3,892	4,122	4,185
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	719	693	938	765	1,082
Đầu tư tài chính dài hạn	0	7.00	7.40	0.40	0
Tài sản dài hạn khác	425	415	443	420	453
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	8,680	6,235	7,884	7,614	9,682
Nợ ngắn hạn	8,664	6,218	7,867	7,598	9,665
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6,410	3,532	4,630	4,404	6,143
Phải trả người bán ngắn hạn	1,368	1,743	1,970	2,050	2,399
Nợ dài hạn	16.3	16.9	16.9	16.1	17.0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	11,120	11,313	11,256	11,339	11,376
Vốn chủ sở hữu	11,120	11,313	11,256	11,339	11,376
Vốn điều lệ	6,210	6,210	6,210	6,210	6,210
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)